

Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nam, ngày 16 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Vũ Thành N, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 10, xã K, huyện K1, tỉnh Hà Nam.

+ Chị Lê Thị Hải Y, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Xóm 10, xã K, huyện K1, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số 324, đường B, tổ H, phường T, thành phố Đ, Đài Loan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Thành N và chị Lê Thị Hải Y kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K1, tỉnh Hà Nam, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh N, chị Y phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay anh N, chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Vũ Thành N và chị Lê Thị Hải Y có 01 con chung là cháu Vũ Lê Tiến D, sinh ngày 14/7/2013. Cháu D hiện nay đang ở ổn định với anh N. Anh N, chị Y thỏa thuận sau khi ly hôn, anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D cho đến khi cháu D trưởng thành, tự lập, chị Y không

phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Vũ Lê Tiến D có nguyện vọng được ở với bố (anh N). Xét thấy nguyện vọng của cháu D và thỏa thuận của anh N, chị Y là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Anh Vũ Thành N và chị Lê Thị Hải Y đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Thành N và chị Lê Thị Hải Y thỏa thuận chị Y là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, anh N không phải nộp. Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị Y là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Thành N và chị Lê Thị Hải Y.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Lê Tiến D, sinh ngày 14/7/2013 cho anh Vũ Thành N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D trưởng thành, tự lập. Chị Lê Thị Hải Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Thành N và chị Lê Thị Hải Y mỗi người phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Công nhận sự thỏa thuận của anh N và chị Y: chị Y là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, anh N không phải nộp. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí mà chị Y đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam theo Biên lai số AA/2021/0001485, ngày 19/5/2022. Chị Y đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã K, huyện K1;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Vũ Thị Thanh Tâm

